

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BÊN BẢN KIỂM KÊ

năm 2020

Số BB 232/330

Mẫu số: CS3-HD  
(Ban hành theo thông tư số 10/2017/TT-BT ngày 10/06/2017 của Bộ Tài Chính)

Thời điểm kiểm kê: ..... Ngày ..... Tháng 1 năm 2021

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Bằng Chức vụ: Chủ tịch HD kiểm kê TS  
- Ông: Trần Đình Tuấn Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS  
- Ông: Hoàng Việt Dũng Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS  
- Ông: Trần Đình Diệu Chức vụ: Ủy viên HD kiểm kê TS

Chức vụ:

- Ông/ bà: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại: .....  
- Ông/ bà: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại: .....  
- Ông/ bà: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại: .....  
- Ông/ bà: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại: .....

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: TT CNTT - TT THTN, kết quả như sau

| stt  | Tên tài sản                                        | Mã tài sản          | Ngày tăng   | Vị trí           | SLSS | SLTT | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------|---------------------|-------------|------------------|------|------|---------|
| I    | Nhà cửa vật kiến trúc                              |                     |             |                  |      |      |         |
| II   | Tài sản máy móc thiết bị                           |                     |             |                  |      |      |         |
| 1    | Access Point Outdoor AIR-CAP1532E-E-K9 - GIDQP2017 | 04809.01.031000.001 | 22/12/2017. | Nhà DH - Tầng 4. | 1    | ✓    |         |
| 2    | Access Point Outdoor AIR-CAP1532E-E-K9 - GIDQP2017 | 04809.01.031000.002 | 22/12/2017. | Nhà DH - Tầng 4. | 1    | ✓    |         |
| 3    | Access Point Outdoor AIR-CAP1532E-E-K9 - GIDQP2017 | 04809.01.031000.003 | 22/12/2017. | Nhà DH - Tầng 4. | 1    | ✓    |         |
| III  | Tài sản Đồ gỗ quản lý                              |                     |             |                  |      |      |         |
| IV   | Phương tiện vận tải truyền dẫn                     |                     |             |                  |      |      |         |
| V    | Tài sản có định khác                               |                     |             |                  |      |      |         |
| VI   | Cây lâu năm                                        |                     |             |                  |      |      |         |
| VII  | Tài sản có định vô hình                            |                     |             |                  |      |      |         |
| VIII | Sách và tài liệu mã hóa                            |                     |             |                  |      |      |         |
| IX   | Sách và giáo trình                                 |                     |             |                  |      |      |         |
| X    | Công cụ dụng cụ thiết bị                           |                     |             |                  |      |      |         |
| XI   | Công cụ dụng cụ đồ gỗ                              |                     |             |                  |      |      |         |
| XII  | Bàn, ghế giảng đường                               |                     |             |                  |      |      |         |
| XIII | Thiết bị phòng Thí nghiệm                          |                     |             |                  |      |      |         |

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

PHÒNG KH. TC

PHÒNG QT&ĐT

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BỘ RIEN KIỂM KÊ

Nghệ An, ngày... tháng... năm 2021

